



Viết lại các thừa số được liệt kê dưới dạng một biểu thức với lũy thừa là hai.

Câu trả lời

1) $2 \times 2 \times 2 \times 2 \times 2 \times 3$

1. _____

2) $3 \times 3 \times 7 \times 11$

2. _____

3) $2 \times 2 \times 2 \times 2 \times 37$

3. _____

4) $2 \times 2 \times 5 \times 5 \times 5$

4. _____

5) $2 \times 7 \times 7 \times 7$

5. _____

6) $2 \times 2 \times 7 \times 11$

6. _____

7) $2 \times 2 \times 3 \times 7 \times 7$

7. _____

8) $2 \times 2 \times 2 \times 5 \times 5$

8. _____

9) $2 \times 2 \times 3 \times 83$

9. _____

10) $7 \times 7 \times 11$

10. _____

11) $2 \times 2 \times 5 \times 13$

11. _____

12) $2 \times 2 \times 2 \times 5 \times 13$

12. _____

13) $2 \times 2 \times 3 \times 3 \times 23$

13. _____

14) 23×23

14. _____

15) $5 \times 5 \times 37$

15. _____

16) $3 \times 3 \times 7 \times 13$

16. _____

17) $2 \times 3 \times 3 \times 17$

17. _____

18) $3 \times 3 \times 5 \times 19$

18. _____

19) $3 \times 3 \times 29$

19. _____

20) $2 \times 2 \times 2 \times 2 \times 2 \times 2 \times 13$

20. _____



Viết lại các thừa số được liệt kê dưới dạng một biểu thức với lũy thừa là hai.

Câu trả lời

1) $2 \times 2 \times 2 \times 2 \times 2 \times 3$

1. $4^2 \times 6$

2) $3 \times 3 \times 7 \times 11$

2. $3^2 \times 77$

3) $2 \times 2 \times 2 \times 2 \times 37$

3. $4^2 \times 37$

4) $2 \times 2 \times 5 \times 5 \times 5$

4. $10^2 \times 5$

5) $2 \times 7 \times 7 \times 7$

5. $7^2 \times 14$

6) $2 \times 2 \times 7 \times 11$

6. $2^2 \times 77$

7) $2 \times 2 \times 3 \times 7 \times 7$

7. $14^2 \times 3$

8) $2 \times 2 \times 2 \times 5 \times 5$

8. $10^2 \times 2$

9) $2 \times 2 \times 3 \times 83$

9. $2^2 \times 249$

10) $7 \times 7 \times 11$

10. $7^2 \times 11$

11) $2 \times 2 \times 5 \times 13$

11. $2^2 \times 65$

12) $2 \times 2 \times 2 \times 5 \times 13$

12. $2^2 \times 130$

13) $2 \times 2 \times 3 \times 3 \times 23$

13. $6^2 \times 23$

14) 23×23

14. 23^2

15) $5 \times 5 \times 37$

15. $5^2 \times 37$

16) $3 \times 3 \times 7 \times 13$

16. $3^2 \times 91$

17) $2 \times 3 \times 3 \times 17$

17. $3^2 \times 34$

18) $3 \times 3 \times 5 \times 19$

18. $3^2 \times 95$

19) $3 \times 3 \times 29$

19. $3^2 \times 29$

20) $2 \times 2 \times 2 \times 2 \times 2 \times 2 \times 13$

20. $8^2 \times 13$



Viết lại các thừa số được liệt kê dưới dạng một biểu thức với lũy thừa là hai.

Câu trả lời

1) $2 \times 2 \times 2 \times 2 \times 2 \times 3$

1. _____

2) $3 \times 3 \times 7 \times 11$

2. _____

3) $2 \times 2 \times 2 \times 2 \times 37$

3. _____

4) $2 \times 2 \times 5 \times 5 \times 5$

4. _____

5) $2 \times 7 \times 7 \times 7$

5. _____

6) $2 \times 2 \times 7 \times 11$

6. _____

7) $2 \times 2 \times 3 \times 7 \times 7$

7. _____

8) $2 \times 2 \times 2 \times 5 \times 5$

8. _____

9) $2 \times 2 \times 3 \times 83$

9. _____

10) $7 \times 7 \times 11$

10. _____

11) $2 \times 2 \times 5 \times 13$

11. _____

12) $2 \times 2 \times 2 \times 5 \times 13$

12. _____

13. _____

14. _____

15. _____

16. _____

17. _____

18. _____

19. _____

20. _____